

**QUY ĐỊNH**

**Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức  
thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2016/QĐ-UBND ngày **28/3** /2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định về Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức) làm căn cứ xem xét lựa chọn hồ sơ, tài liệu của cơ quan, tổ chức có giá trị lưu trữ vĩnh viễn để nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh.

**Điều 2. Cấu tạo của Danh mục**

Thành phần hồ sơ, tài liệu thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk thống kê trong Danh mục được chia thành hai (02) phần: Thành phần hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh và cơ quan, tổ chức cấp huyện; thành phần hồ sơ, tài liệu của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện).

1. Thành phần hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh và cơ quan, tổ chức cấp huyện: Là hồ sơ, tài liệu phổ biến hầu hết ở tất cả các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và được phân theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Thành phần hồ sơ, tài liệu của UBND tỉnh, UBND cấp huyện được chia theo từng lĩnh vực hoạt động, từng khối của các cơ quan, tổ chức.

**Điều 3. Lựa chọn hồ sơ, tài liệu có thời hạn bảo quản vĩnh viễn để xây dựng danh mục nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh**

1. Các cơ quan, tổ chức căn cứ Danh mục này để xem xét, lựa chọn hồ sơ, tài liệu có giá trị lưu trữ vĩnh viễn nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh.

2. Thành phần tài liệu quản lý chuyên ngành (còn gọi là tài liệu chuyên môn) phải lựa chọn chính xác những hồ sơ, tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn đã được Hội đồng xác định giá trị tài liệu đánh giá, kết luận để giao nộp (kể cả Danh mục hồ sơ và Mục lục văn bản) vào Lưu trữ lịch sử tỉnh. Tránh tình trạng giao nộp những tài liệu không có giá trị hoặc có giá trị lưu trữ hiện hành.

3. Riêng đối với một số đơn vị trực thuộc ngành dọc như: Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Thuế, Bưu điện, Viễn thông, Điện lực, Thống kê, Công an Nhân dân, Quân đội Nhân dân trước mắt chỉ thu những tài liệu quản lý hành chính. Những hồ sơ, tài liệu về chuyên môn, nghiệp vụ vẫn giữ lại bảo quản ở các cơ quan để phục vụ cho việc giải quyết công việc hàng ngày.

4. Trong quá trình tiến hành xây dựng Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh, các cơ quan, tổ chức chú ý một số điểm sau:

a) Việc phân mục và nhóm tài liệu tại Chương II quy định này chỉ mang tính tương đối; các cơ quan, tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tình hình thực tế tài liệu của cơ quan hình thành trong quá trình hoạt động để xây dựng Danh mục hồ sơ, tài liệu cho phù hợp với cơ quan, tổ chức mình.

b) Khi xây dựng Danh mục hồ sơ, tài liệu, ngoài những hồ sơ, tài liệu đã được lập trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này, quá trình triển khai thu thập, chỉnh lý nếu phát hiện, phát sinh một số hồ sơ, tài liệu khác có giá trị lịch sử, lưu trữ vĩnh viễn mà chưa được đề cập trong Danh mục, đề nghị cơ quan, tổ chức tiếp tục bổ sung vào Phòng hoặc Khối tài liệu của cơ quan theo quy định và giao nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh; đồng thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để bổ sung vào Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu của Quyết định này.

c) Ngoài ra, trong quá trình hệ thống hóa Phòng lưu trữ của cơ quan, tổ chức có thể phát hiện một nhóm hồ sơ hoặc khối tài liệu không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức thì lập Danh mục hồ sơ, tài liệu riêng và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ cùng cấp hoặc lưu trữ cấp trên để phối hợp giải quyết.

d) Những văn bản của các cơ quan Trung ương gửi cho tỉnh, tỉnh sao gửi các ngành, địa phương; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh gửi các ngành, địa phương thực hiện, phối hợp giải quyết công việc đều phải lập thành hồ sơ nguyên tắc và được lưu giữ tại cơ quan, không phải nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh.

**Chương II**  
**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ, TÀI LIỆU THUỘC NGUỒN NỘP LƯU**  
**VÀO LƯU TRỮ LỊCH SỬ TỈNH ĐẮK LẮK**

**Điều 4. Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức cấp huyện**

| <b>STT</b>                                        | <b>TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU</b>                                                                                                                 | <b>THBQ</b> |
|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <i>(1)</i>                                        | <i>(2)</i>                                                                                                                                      | <i>(3)</i>  |
| <b>I. TÀI LIỆU TỔNG HỢP</b>                       |                                                                                                                                                 |             |
| 1                                                 | Hồ sơ xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chế độ/quy định/hướng dẫn những vấn đề chung của ngành, cơ quan                                   | Vĩnh viễn   |
| 2                                                 | Hồ sơ kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng do cơ quan chủ trì tổ chức                                                                    | Vĩnh viễn   |
| 3                                                 | Hồ sơ, tài liệu về Hội nghị tổng kết năm của ngành, cơ quan                                                                                     | Vĩnh viễn   |
| 4                                                 | Kế hoạch, báo cáo công tác dài hạn, hàng năm của cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                               | Vĩnh viễn   |
| 5                                                 | Hồ sơ tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước                                                                | Vĩnh viễn   |
| 6                                                 | Hồ sơ tổ chức thực hiện chế độ/quy định/hướng dẫn những vấn đề chung của ngành, cơ quan                                                         | Vĩnh viễn   |
| 7                                                 | Hồ sơ ứng dụng ISO của ngành, cơ quan                                                                                                           | Vĩnh viễn   |
| 8                                                 | Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo năm về công tác thông tin, tuyên truyền của cơ quan                                            | Vĩnh viễn   |
| 9                                                 | Tài liệu về hoạt động của lãnh đạo (báo cáo, bản thuyết trình/giải trình, trả lời chất vấn tại Quốc hội, bài phát biểu tại các sự kiện lớn...)  | Vĩnh viễn   |
| 10                                                | Sổ ghi biên bản các cuộc họp giao ban, sổ tay công tác của lãnh đạo cơ quan, thư ký lãnh đạo các cuộc làm việc quan trọng với lãnh đạo cấp trên | Vĩnh viễn   |
| 11                                                | Tài liệu về lịch sử cơ quan (nếu có)                                                                                                            | Vĩnh viễn   |
| <b>II. TÀI LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, THỐNG KÊ</b> |                                                                                                                                                 |             |
| 12                                                | Kế hoạch, báo cáo công tác quy hoạch, kế hoạch, thống kê dài hạn, hàng năm                                                                      | Vĩnh viễn   |

|                                      |                                                                                                                                                                             |           |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                      | <b>1. Tài liệu quy hoạch</b>                                                                                                                                                |           |
| 13                                   | Hồ sơ xây dựng quy hoạch phát triển ngành, cơ quan                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 14                                   | Hồ sơ về xây dựng đề án, dự án, chương trình mục tiêu của ngành, cơ quan được phê duyệt                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 15                                   | Hồ sơ quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu của ngành, cơ quan                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 16                                   | Hồ sơ thẩm định, phê duyệt đề án chiến lược, đề án quy hoạch phát triển, đề án, dự án, chương trình mục tiêu của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của ngành, cơ quan     | Vĩnh viễn |
| 17                                   | Báo cáo tổng kết đánh giá thực hiện các đề án chiến lược, đề án quy hoạch phát triển, đề án, dự án, chương trình, mục tiêu của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước | Vĩnh viễn |
| 18                                   | Báo cáo phân tích và dự báo                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
|                                      | <b>2. Tài liệu kế hoạch</b>                                                                                                                                                 |           |
| 19                                   | Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm do cơ quan ban hành; cơ quan thực hiện                                                                               | Vĩnh viễn |
| 20                                   | Hồ sơ xây dựng kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch dài hạn, hàng năm của ngành, cơ quan                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 21                                   | Kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch dài hạn, hàng năm của các đơn vị trực thuộc                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 22                                   | Kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch hàng năm của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý                                                                                       | Vĩnh viễn |
|                                      | <b>3. Tài liệu thống kê</b>                                                                                                                                                 |           |
| 23                                   | Hồ sơ xây dựng, ban hành các văn bản chế độ/quy định, hướng dẫn về thống kê của ngành                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 24                                   | Báo cáo thống kê tổng hợp, thống kê chuyên đề dài hạn, hàng năm                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 25                                   | Báo cáo tổng hợp                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| <b>III. TÀI LIỆU TỔ CHỨC, CÁN BỘ</b> |                                                                                                                                                                             |           |
| 26                                   | Hồ sơ xây dựng, ban hành điều lệ tổ chức, Quy chế làm việc, chế độ/ quy định, hướng dẫn về tổ chức, cán bộ                                                                  | Vĩnh viễn |
| 27                                   | Kế hoạch, báo cáo dài hạn, hàng năm về công tác tổ chức, cán bộ                                                                                                             | Vĩnh viễn |

|                                          |                                                                                                                                         |           |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 28                                       | Hồ sơ xây dựng đề án tổ chức bộ máy ngành, cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                             | Vĩnh viễn |
| 29                                       | Hồ sơ về việc thành lập, đổi tên, thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và các đơn vị trực thuộc                          | Vĩnh viễn |
| 30                                       | Hồ sơ về việc hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                  | Vĩnh viễn |
| 31                                       | Hồ sơ Hội nghị về công tác tổ chức của ngành, cơ quan                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 32                                       | Hồ sơ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức của ngành, cơ quan                                                   | Vĩnh viễn |
| 33                                       | Hồ sơ về xây dựng và thực hiện chỉ tiêu biên chế của ngành, cơ quan                                                                     | Vĩnh viễn |
| 34                                       | Báo cáo thống kê danh sách, số lượng, chất lượng cán bộ                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 35                                       | Hồ sơ gốc cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 36                                       | Kế hoạch, báo cáo dài hạn, hàng năm về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành, cơ quan                                                | Vĩnh viễn |
| 37                                       | Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo năm về việc quản lý công tác đào tạo tại các trường, cơ sở dạy nghề trực thuộc cơ quan | Vĩnh viễn |
| <b>IV. TÀI LIỆU LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG</b> |                                                                                                                                         |           |
| 38                                       | Kế hoạch, báo cáo dài hạn, hàng năm về công tác lao động, tiền lương                                                                    | Vĩnh viễn |
|                                          | <b>1. Tài liệu lao động</b>                                                                                                             |           |
| 39                                       | Hồ sơ xây dựng, ban hành định mức lao động của ngành và báo cáo thực hiện                                                               | Vĩnh viễn |
| 40                                       | Hồ sơ xây dựng chế độ bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động của ngành, cơ quan                                                              | Vĩnh viễn |
| 41                                       | Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động hàng năm của ngành, cơ quan                                                                 | Vĩnh viễn |
| 42                                       | Hồ sơ các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng                                                                                              | Vĩnh viễn |
|                                          | <b>2. Tài liệu tiền lương</b>                                                                                                           |           |
| 43                                       | Hồ sơ xây dựng, ban hành thang bảng lương của ngành                                                                                     | Vĩnh viễn |

|                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                        | và báo cáo thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |
| 44                                     | Hồ sơ xây dựng, ban hành chế độ phụ cấp của ngành và báo cáo thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| <b>V. TÀI LIỆU TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |
| 45                                     | Hồ sơ xây dựng, ban hành chế độ/quy định về tài chính, kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 46                                     | Kế hoạch, báo cáo công tác tài chính, kế toán dài hạn, hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 47                                     | Hồ sơ về ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan và các đơn vị trực thuộc:<br>- Dự toán ngân sách năm (bao gồm cả các dự toán bổ sung, điều chỉnh)<br>- Chỉ tiêu ngân sách hàng năm (bao gồm cả chỉ tiêu bổ sung, điều chỉnh)<br>- Báo cáo thực hiện ngân sách, quyết toán chi ngân sách năm<br>- Quyết định duyệt quyết toán năm | Vĩnh viễn |
| 48                                     | Kế hoạch, báo cáo tài chính và quyết toán hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 49                                     | Hồ sơ xây dựng chế độ/quy định về giá                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 50                                     | Hồ sơ, tài liệu về việc chuyển nhượng, bàn giao, thanh lý nhà đất                                                                                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 51                                     | Hồ sơ về việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính tại cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc đối với các vụ việc nghiêm trọng                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 52                                     | Hồ sơ kiểm tra, thanh tra tài chính các vụ việc nghiêm trọng tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc:<br>- Kế hoạch kiểm tra<br>- Biên bản, báo cáo kết thúc kiểm tra<br>- Văn bản kết luận sau kiểm tra (nếu có)                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 53                                     | Hồ sơ kiểm toán các vụ việc nghiêm trọng tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| <b>VI. TÀI LIỆU XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |
| 54                                     | Hồ sơ xây dựng văn bản chế độ quy định, hướng dẫn về xây dựng cơ bản của ngành, cơ quan                                                                                                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 55                                     | Kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khối lượng và vốn đầu tư xây dựng cơ bản dài hạn và hàng năm của ngành và các cơ quan, đơn vị trực thuộc:                                                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch khối lượng vốn xây dựng cơ bản và thông báo kế hoạch khối lượng vốn và vốn xây dựng cơ bản</li> <li>- Kế hoạch phân khai khối lượng vốn và vốn xây dựng cơ bản</li> <li>- Kế hoạch điều chỉnh khối lượng vốn và vốn XD CB (nếu có)</li> <li>- Báo cáo thực hiện kế hoạch khối lượng vốn và vốn xây dựng cơ bản</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |
| 56 | Hồ sơ thanh tra, kiểm tra công tác xây dựng cơ bản của cơ quan cấp trên tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 57 | Hồ sơ công trình áp dụng các giải pháp mới về kiến trúc, kết cấu, công nghệ, thiết bị, vật liệu mới; công trình xây dựng trong điều kiện địa chất, địa hình đặc biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 58 | <p>Hồ sơ các dự án, công trình xây dựng và các loại hình tài liệu như: Tài liệu giấy; tài liệu phim, ảnh, băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử và các loại hình tài liệu khác (nếu có) thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử được hình thành trong quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư; nghiên cứu, khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lựa chọn nhà thầu; thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào sử dụng của các công trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dự án, công trình quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội</li> <li>- Các công trình được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (gọi chung là di tích) từ cấp II trở lên</li> <li>- Các công trình theo quy định của pháp luật về phân loại, phân cấp công trình xây dựng, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công trình dân dụng từ cấp I trở lên; công trình phục vụ tín ngưỡng; công trình trụ sở các cơ quan cấp tỉnh; công trình kho lưu trữ chuyên dụng cấp quốc gia và cấp tỉnh</li> <li>+ Công trình công nghiệp cấp đặc biệt; các công trình công nghiệp dầu khí, công trình năng lượng, công trình công nghiệp hóa chất và hóa dầu từ cấp I trở lên</li> <li>+ Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp đặc biệt; công trình cấp nước, thoát nước từ cấp I trở lên</li> <li>+ Công trình giao thông từ cấp I trở lên</li> </ul> </li> </ul> | Vĩnh viễn |

|                                         |                                                                                                                                              |           |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                         | + Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn từ cấp I trở lên                                                                            |           |
| <b>VII. TÀI LIỆU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b> |                                                                                                                                              |           |
| 59                                      | Hồ sơ về việc xây dựng quy chế hoạt động khoa học công nghệ của ngành, cơ quan                                                               | Vĩnh viễn |
| 60                                      | Hồ sơ hội nghị, hội thảo khoa học do cơ quan tổ chức                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 61                                      | Kế hoạch, báo cáo công tác khoa học, công nghệ dài hạn, hàng năm                                                                             | Vĩnh viễn |
|                                         | Hồ sơ, tài liệu hoạt động của Hội đồng khoa học ngành, cơ quan: Quyết định thành lập Hội đồng khoa học ngành; Biên bản các cuộc họp Hội đồng | Vĩnh viễn |
| 62                                      | Hồ sơ chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước và cấp bộ, ngành                                                                 | Vĩnh viễn |
| 63                                      | Hồ sơ sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quy trình công nghệ hoặc giải pháp hữu ích được công nhận cấp Nhà nước và cấp bộ, ngành                  | Vĩnh viễn |
| 64                                      | Hồ sơ xây dựng các tiêu chuẩn ngành                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 65                                      | Hồ sơ xây dựng, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ của ngành, cơ quan                                                                    | Vĩnh viễn |
| 66                                      | Hồ sơ xây dựng và quản lý các cơ sở dữ liệu của ngành, cơ quan                                                                               | Vĩnh viễn |
| 67                                      | Hồ sơ về việc chuyển giao công nghệ của các cơ quan, tổ chức trong nước hoặc nước ngoài cho cơ quan và các đơn vị trực thuộc                 | Vĩnh viễn |
| <b>VIII. TÀI LIỆU HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>   |                                                                                                                                              |           |
| 68                                      | Hồ sơ hội nghị, hội thảo quốc tế do cơ quan chủ trì                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 69                                      | Kế hoạch, báo cáo công tác hợp tác quốc tế dài hạn, hàng năm                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 70                                      | Hồ sơ xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế của ngành, cơ quan                                                                        | Vĩnh viễn |
| 71                                      | Hồ sơ về việc thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức nước ngoài                                                                  | Vĩnh viễn |
| 72                                      | Hồ sơ gia nhập thành viên các hiệp hội, tổ chức quốc tế                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 73                                      | Hồ sơ về việc tham gia các hoạt động của hiệp hội, tổ chức quốc tế (hội nghị, hội thảo, điều tra, khảo sát, thống kê ...)                    | Vĩnh viễn |

|                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 74                                                            | Hồ sơ niên liễm, đóng góp cho các hiệp hội, tổ chức quốc tế                                                                                                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 75                                                            | Hồ sơ đoàn ra mục đích ký kết hợp tác                                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn |
| 76                                                            | Hồ sơ đoàn vào mục đích ký kết hợp tác                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 77                                                            | Thư, điện, thiệp chúc mừng quan trọng của các cơ quan, tổ chức nước ngoài                                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| <b>IX. TÀI LIỆU THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
| 78                                                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế/quy định, hướng dẫn về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 79                                                            | Kế hoạch, báo cáo dài hạn, hàng năm về công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 80                                                            | Hồ sơ thanh tra các vụ việc nghiêm trọng                                                                                                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 81                                                            | Hồ sơ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo nghiêm trọng                                                                                                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 82                                                            | Báo cáo năm về hoạt động của tổ chức Thanh tra nhân dân                                                                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| <b>X. TÀI LIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG</b>                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
| 83                                                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế/quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng                                                                                                                                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 84                                                            | Hồ sơ hội nghị thi đua do cơ quan chủ trì tổ chức                                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 85                                                            | Kế hoạch, báo cáo công tác thi đua, khen thưởng dài hạn, hàng năm                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 86                                                            | Hồ sơ khen thưởng của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân:<br>- Tóm tắt lịch sử đơn vị (nếu có)<br>- Bản đăng ký thi đua; Báo cáo thành tích; Biên bản họp xét duyệt của Hội đồng thi đua<br>- Văn bản đề nghị khen thưởng; Quyết định công nhận khen thưởng | Vĩnh viễn |
| 87                                                            | Hồ sơ khen thưởng đối với người nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| <b>XI. TÀI LIỆU PHÁP CHẾ</b>                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
| 88                                                            | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn về công tác pháp chế do cơ quan chủ trì                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 89                                                            | Kế hoạch, báo cáo công tác pháp chế dài hạn, hàng năm                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn |

|                                                         |                                                                                                                                             |           |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 90                                                      | Hồ sơ thẩm định văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| <b>XII. TÀI LIỆU VỀ HÀNH CHÍNH, QUẢN TRỊ CÔNG SỞ</b>    |                                                                                                                                             |           |
|                                                         | <b>1. Tài liệu về hành chính, văn thư, lưu trữ</b>                                                                                          |           |
| 91                                                      | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn công tác hành chính, văn thư, lưu trữ                                                          | Vĩnh viễn |
| 92                                                      | Kế hoạch, báo cáo công tác hành chính, văn thư, lưu trữ hàng năm, nhiều năm                                                                 | Vĩnh viễn |
| 93                                                      | Hồ sơ về lập, ban hành Danh mục bí mật Nhà nước của ngành, cơ quan                                                                          | Vĩnh viễn |
| 94                                                      | Tập lưu Văn bản Quy phạm pháp luật;<br>Chỉ thị, Quyết định, quy định, quy chế, hướng dẫn;<br>Sổ đăng ký văn bản đi của các cơ quan, tổ chức | Vĩnh viễn |
|                                                         | <b>2. Tài liệu quản trị công sở</b>                                                                                                         |           |
| 95                                                      | Hồ sơ xây dựng, ban hành các quy định, quy chế về công tác quản trị công sở                                                                 | Vĩnh viễn |
| <b>XIII. TÀI LIỆU CÁC LĨNH VỰC CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ</b> |                                                                                                                                             |           |
|                                                         | <b>1. Chuyên môn nghiệp vụ chung</b>                                                                                                        |           |
| 96                                                      | Hồ sơ xây dựng, ban hành văn bản quản lý chuyên môn nghiệp vụ                                                                               | Vĩnh viễn |
| 97                                                      | Hồ sơ hội nghị về chuyên môn nghiệp vụ do cơ quan tổ chức                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 98                                                      | Kế hoạch, báo cáo hàng năm về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                     | Vĩnh viễn |
| 99                                                      | Kế hoạch, báo cáo hàng năm về chuyên môn nghiệp vụ của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý                                                  | Vĩnh viễn |
| 100                                                     | Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo năm về công tác quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ              | Vĩnh viễn |
| 101                                                     | Hồ sơ xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án chuyên môn                                                    | Vĩnh viễn |
| 102                                                     | Hồ sơ chỉ đạo điểm, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ                                                                             | Vĩnh viễn |
| 103                                                     | Hồ sơ giải quyết các vụ việc quan trọng trong hoạt động                                                                                     | Vĩnh viễn |

|                                                                 |                                                                                                                                         |           |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                                 | quản lý chuyên môn nghiệp vụ                                                                                                            |           |
| 104                                                             | Báo cáo phân tích, thống kê chuyên đề                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 105                                                             | Phim, ảnh, băng ghi âm, ghi hình phản ánh các sự kiện quan trọng                                                                        | Vĩnh viễn |
| 106                                                             | Các loại bản đồ, bản đồ chuyên ngành của cơ quan và các đơn vị trực thuộc                                                               | Vĩnh viễn |
| <b>2. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân</b> |                                                                                                                                         |           |
| 107                                                             | Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp                                              | Vĩnh viễn |
| 108                                                             | Chương trình hành động, kế hoạch hoạt động hàng năm,                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 109                                                             | Hồ sơ về bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp                                                                            | Vĩnh viễn |
| 110                                                             | Hồ sơ tiếp xúc các cử tri; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri                                                                | Vĩnh viễn |
| 111                                                             | Hồ sơ, tài liệu giám sát; hồ sơ khiếu nại, tố cáo                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 112                                                             | Hồ sơ về bố trí kinh phí cho hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, chính sách, chế độ đối với đại biểu Quốc hội và HĐND                 | Vĩnh viễn |
| 113                                                             | Hồ sơ đóng góp ý kiến về các dự thảo luật                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 114                                                             | Các báo cáo chuyên đề thuộc lĩnh vực của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND                                                                   | Vĩnh viễn |
| 115                                                             | Hồ sơ các kỳ họp                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 116                                                             | Hoạt động giữa các kỳ họp Hội đồng nhân dân: Nghị quyết các kỳ họp HĐND; các chương trình công tác của HĐND, chỉ tiêu kinh tế, kế hoạch | Vĩnh viễn |
| 117                                                             | Báo cáo năm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 118                                                             | Tập lưu Nghị quyết, quyết định của HĐND                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 119                                                             | Tài liệu, phim ảnh, băng ghi âm ghi hình những sự kiện quan trọng                                                                       | Vĩnh viễn |
| <b>3. Tổ chức Liên hiệp, Hội</b>                                |                                                                                                                                         |           |
| 120                                                             | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác của Hội, tổ chức Liên hiệp                            | Vĩnh viễn |

|                                   |                                                                                                                      |           |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 121                               | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của Hội, tổ chức Liên hiệp về lĩnh vực hoạt động hằng năm, nhiều năm        | Vĩnh viễn |
| 122                               | Phương án hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, tiêu chí hoạt động                                                     | Vĩnh viễn |
| 123                               | Tài liệu về các hoạt động cứu tế hỗ trợ nhân đạo, đồng bào thiên tai dịch họa                                        | Vĩnh viễn |
| 124                               | Tài liệu nghiên cứu đề tài phát triển kinh tế - xã hội                                                               | Vĩnh viễn |
| 125                               | Báo cáo về công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân                                                                  | Vĩnh viễn |
| 126                               | Hồ sơ về các dự án tài trợ                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 127                               | Hồ sơ kêu gọi đầu tư, tài trợ cho các Hội, tổ chức Liên hiệp                                                         | Vĩnh viễn |
| <b>4. Khối doanh nghiệp</b>       |                                                                                                                      |           |
| 128                               | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác hoạt động doanh nghiệp             | Vĩnh viễn |
| 129                               | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của doanh nghiệp trong các hoạt động hằng năm, nhiều năm                    | Vĩnh viễn |
| 130                               | Tài liệu về thanh tra, kiểm tra, xử lý các vụ việc liên quan đến ngành, lĩnh vực hoạt động                           | Vĩnh viễn |
| 131                               | Hồ sơ, tài liệu về các dự án, đầu tư, xây dựng hạ tầng, kỹ thuật                                                     | Vĩnh viễn |
| 132                               | Hồ sơ xây mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình do ngành quản lý thực hiện                                 | Vĩnh viễn |
| <b>5. Đào tạo và đào tạo nghề</b> |                                                                                                                      |           |
| 133                               | Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo năm về việc quản lý công tác đào tạo tại các trường, cơ sở dạy nghề | Vĩnh viễn |
| 134                               | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về công tác đào tạo hằng năm, nhiều năm tại các trường, cơ sở dạy nghề               | Vĩnh viễn |
| 135                               | Đề tài nghiên cứu áp dụng vào công tác giảng dạy tại các trường, cơ sở dạy nghề                                      | Vĩnh viễn |
| 136                               | Báo cáo công tác tuyển sinh, cấp văn bằng, chứng chỉ tại các trường, cơ sở dạy nghề                                  | Vĩnh viễn |

|                                                           |                                                                                                                                 |           |
|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 137                                                       | Hồ sơ hội nghị chuyên đề về nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường, cơ sở dạy nghề                                       | Vĩnh viễn |
| 138                                                       | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác hoạt động của trường, cơ sở dạy nghề | Vĩnh viễn |
| <b>XIV. TÀI LIỆU TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CƠ QUAN</b> |                                                                                                                                 |           |
|                                                           | <b>1. Tổ chức Đảng</b>                                                                                                          |           |
| 139                                                       | Hồ sơ Đại hội                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 140                                                       | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác tổng kết năm, nhiệm kỳ                                                               | Vĩnh viễn |
| 141                                                       | Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và các cấp ủy Đảng                            | Vĩnh viễn |
| 142                                                       | Hồ sơ về thành lập/sáp nhập, công nhận tổ chức Đảng                                                                             | Vĩnh viễn |
|                                                           | <b>2. Tổ chức Công đoàn</b>                                                                                                     |           |
| 143                                                       | Hồ sơ Đại hội                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 144                                                       | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác tổng kết năm, nhiệm kỳ                                                               | Vĩnh viễn |
| 145                                                       | Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, thực hiện nghị quyết của tổ chức Công đoàn                                       | Vĩnh viễn |
| 146                                                       | Hồ sơ về thành lập/sáp nhập, công nhận tổ chức Công đoàn                                                                        | Vĩnh viễn |
| 147                                                       | Tài liệu về tổ chức, nhân sự và các hoạt động của tổ chức Công đoàn                                                             | Vĩnh viễn |
|                                                           | <b>3. Tổ chức Đoàn Thanh niên</b>                                                                                               |           |
| 148                                                       | Hồ sơ Đại hội                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 149                                                       | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác năm, nhiệm kỳ                                                                        | Vĩnh viễn |
| 150                                                       | Hồ sơ về thành lập/sáp nhập, công nhận tổ chức Đoàn                                                                             | Vĩnh viễn |
| 151                                                       | Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, thực hiện nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Đoàn Thanh niên                         | Vĩnh viễn |

**Điều 5. Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu của UBND tỉnh; UBND cấp huyện**

| STT | TÊN NHÓM HỒ SƠ, TÀI LIỆU                                       | THBQ      |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------|
| (1) | (2)                                                            | (3)       |
|     | <b>I. TÀI LIỆU TỔNG HỢP</b>                                    |           |
|     | <b>1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chung</b>                     |           |
| 1   | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về | Vĩnh viễn |

|    |                                                                                                                                                 |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|    | các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp huyện                                                                                                 |           |
| 2  | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác của UBND tỉnh, cấp huyện                                                           | Vĩnh viễn |
| 3  | Hồ sơ kiểm tra tình hình chỉ đạo, thực hiện các chế độ, quy định, chương trình về các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp huyện               | Vĩnh viễn |
| 4  | Hồ sơ, tài liệu tổng kết công tác năm, nhiều năm về các hội nghị, kỳ họp của tỉnh, cấp huyện                                                    | Vĩnh viễn |
| 5  | Hồ sơ, tài liệu về kỳ họp của UBND, Thường trực UBND (thường kỳ, bất thường) của tỉnh, cấp huyện                                                | Vĩnh viễn |
| 6  | Hồ sơ hội nghị, hội thảo nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn hoặc các sự kiện quan trọng của đất nước, của địa phương do tỉnh, cấp huyện thực hiện | Vĩnh viễn |
| 7  | Hồ sơ xây dựng Quy chế làm việc của UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 8  | Hồ sơ thực hiện chủ trương về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
| 9  | Chương trình, kế hoạch, báo cáo kinh tế - xã hội của UBND tỉnh, cấp huyện                                                                       | Vĩnh viễn |
| 10 | Chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hàng năm giao cho tỉnh, cấp huyện                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 11 | Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh, cấp huyện                                                                  | Vĩnh viễn |
| 12 | Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh, cấp huyện                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 13 | Tài liệu phối hợp tổ chức các hoạt động của UBND tỉnh, huyện với các đoàn thể trong tỉnh, cấp huyện                                             | Vĩnh viễn |
| 14 | Chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh, cấp huyện giao cho các đơn vị thực hiện                                                                        | Vĩnh viễn |
| 15 | Hồ sơ, tài liệu về các hội nghị, kỳ họp tổng kết công tác năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                                                    | Vĩnh viễn |
| 16 | Sổ ghi biên bản các cuộc họp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 17 | Sổ tay công tác của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh, cấp huyện                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 18 | Đề án, dự án, chương trình của UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 19 | Hồ sơ phê duyệt, quyết toán năm tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh, cấp huyện                                                                     | Vĩnh viễn |
| 20 | Hồ sơ quyết toán ngân sách của tỉnh, cấp huyện                                                                                                  | Vĩnh viễn |

|    |                                                                                                                                               |           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 21 | Hồ sơ, tài liệu của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 22 | Tài liệu phim ảnh, băng ghi âm, ghi hình các sự kiện quan trọng của UBND tỉnh, cấp huyện                                                      | Vĩnh viễn |
|    | <b>2. Quy hoạch</b>                                                                                                                           |           |
| 23 | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác quy hoạch trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                | Vĩnh viễn |
| 24 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác quy hoạch của tỉnh, cấp huyện                                                 | Vĩnh viễn |
| 25 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch tổng thể của tỉnh, cấp huyện                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 26 | Hồ sơ thẩm định, xây dựng và phê duyệt đề án chiến lược, đề án quy hoạch phát triển địa phương (vùng, lãnh thổ, ngành...) của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 27 | Hồ sơ xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu của tỉnh, cấp huyện                                               | Vĩnh viễn |
| 28 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch chi tiết các ngành (công nghiệp, thương mại, du lịch, các khu đô thị, vùng nông thôn...) trong tỉnh, cấp huyện   | Vĩnh viễn |
| 29 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch chi tiết các khu vực cấp huyện, thị trấn, phường, xã                                                             | Vĩnh viễn |
| 30 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quy hoạch của tỉnh, cấp huyện                                                       | Vĩnh viễn |
|    | <b>3. Kế hoạch</b>                                                                                                                            |           |
| 31 | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác kế hoạch của tỉnh, cấp huyện                                          | Vĩnh viễn |
| 32 | Báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác kế hoạch của UBND tỉnh, cấp huyện                                                                        | Vĩnh viễn |
| 33 | Hồ sơ, tài liệu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp huyện                                                                   | Vĩnh viễn |
| 34 | Chỉ tiêu kế hoạch tổng hợp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cấp huyện                                                                    | Vĩnh viễn |
| 35 | Quyết định của Chính phủ giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hàng năm cho tỉnh                                                                    | Vĩnh viễn |
| 36 | Quyết định của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho huyện                                                                            | Vĩnh viễn |

|    |                                                                                                                                         |           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 37 | Hồ sơ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các ngành và cấp huyện                                                       | Vĩnh viễn |
| 38 | Hồ sơ tổng kết đánh giá việc thực hiện các đề án, dự án, chương trình, mục tiêu của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
| 39 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác kế hoạch của tỉnh, cấp huyện                                                  | Vĩnh viễn |
|    | <b>4. Đầu tư</b>                                                                                                                        |           |
| 40 | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực đầu tư của tỉnh, cấp huyện                                      | Vĩnh viễn |
| 41 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác đầu tư của tỉnh, cấp huyện                                              | Vĩnh viễn |
| 42 | Dự toán ngân sách và báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư hàng năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                                          | Vĩnh viễn |
| 43 | Hồ sơ kêu gọi đầu tư và quản lý vốn đầu tư của tỉnh, cấp huyện                                                                          | Vĩnh viễn |
| 44 | Hồ sơ các dự án, đề án, chương trình mục tiêu của tỉnh, cấp huyện                                                                       | Vĩnh viễn |
| 45 | Hồ sơ thực hiện và thẩm định các dự án, đề án, chương trình mục tiêu của tỉnh, cấp huyện                                                | Vĩnh viễn |
| 46 | Hồ sơ, chuyên đề tổng kết hội nghị công tác đầu tư của tỉnh, cấp huyện                                                                  | Vĩnh viễn |
|    | <b>5. Thống kê</b>                                                                                                                      |           |
| 47 | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác thống kê, điều tra trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                 | Vĩnh viễn |
| 48 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác thống kê, điều tra của tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |
| 49 | Hồ sơ, tài liệu thống kê, điều tra cơ bản trên địa bàn tỉnh, cấp huyện (đời sống dân cư, nơi ăn ở, sinh hoạt, nghề nghiệp, tôn giáo...) | Vĩnh viễn |
| 50 | Hồ sơ, tài liệu về tổng điều tra dân số và lao động của tỉnh, cấp huyện                                                                 | Vĩnh viễn |
| 51 | Hồ sơ, tài liệu về điều tra đất đai, nhà ở của tỉnh, cấp huyện                                                                          | Vĩnh viễn |
| 52 | Hồ sơ, tài liệu về điều tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                    | Vĩnh viễn |
| 53 | Báo cáo phân tích và dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                               | Vĩnh viễn |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 54 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thống kê của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn |
| 55 | Các loại biểu, báo cáo thống kê định kỳ hàng năm, nhiều năm hoặc đột xuất của UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
|    | <b>6. Thi đua, khen thưởng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           |
| 56 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 57 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 58 | Quy định, quy chế của UBND tỉnh, cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 59 | Hồ sơ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh, cấp huyện phát động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 60 | Hồ sơ khen thưởng các danh hiệu đối với tập thể, cá nhân ở cấp khen thưởng Nhà nước và UBND tỉnh, UBND cấp huyện:<br>- Khen thưởng thành tích trước và trong kháng chiến (Bằng có công với nước, Kỷ niệm chương, Huân, Huy chương kháng chiến...)<br>- Khen thưởng thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (khen thưởng xuyên, khen đột xuất, tặng thưởng Huân, Huy chương lao động, Cờ thi đua...) | Vĩnh viễn |
| 61 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết, Hội nghị chuyên đề về công tác thi đua, khen thưởng do UBND tỉnh, cấp huyện tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 62 | Các sổ vàng khen thưởng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
|    | <b>7. Quản lý công tác văn thư, lưu trữ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |
| 63 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác văn thư, lưu trữ của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn |
| 64 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác văn thư, lưu trữ của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 65 | Báo cáo thống kê tổng hợp của UBND tỉnh, cấp huyện về công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 66 | Hồ sơ về công tác kiểm tra, thanh tra công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 67 | Hồ sơ, Hội nghị tổng kết công tác văn thư, lưu trữ hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |

|                    |                                                                                                                                               |           |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                    | của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                           |           |
|                    | <b>8. Ngoại vụ, lễ tân</b>                                                                                                                    |           |
| 68                 | Văn bản của các cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác đối ngoại, lễ tân, hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 69                 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về hoạt động đối ngoại của tỉnh, cấp huyện                                                | Vĩnh viễn |
| 70                 | Hồ sơ về các đoàn nước ngoài ra, vào làm việc tại tỉnh, cấp huyện                                                                             | Vĩnh viễn |
| 71                 | Hồ sơ, tài liệu về hoạt động kết nghĩa giữa UBND tỉnh và cấp huyện với các tỉnh, nước bạn                                                     | Vĩnh viễn |
| 72                 | Hồ sơ về công tác Việt kiều và hoạt động đối ngoại của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
| 73                 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác ngoại vụ của tỉnh, cấp huyện                                                        | Vĩnh viễn |
|                    | <b>9. Cải cách hành chính</b>                                                                                                                 |           |
| 74                 | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác cải cách hành chính của tỉnh, cấp huyện                    | Vĩnh viễn |
| 75                 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác cải cách hành chính của tỉnh, cấp huyện                                          | Vĩnh viễn |
| 76                 | Đề án cải cách hành chính của tỉnh, cấp huyện                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 77                 | Tài liệu về việc đặt cơ quan đại diện thương mại nước ngoài tại tỉnh, cấp huyện                                                               | Vĩnh viễn |
| 78                 | Hồ sơ về việc hợp tác kinh tế với nước ngoài tại tỉnh, cấp huyện                                                                              | Vĩnh viễn |
| 79                 | Thư, điện, thiệp chúc mừng quan trọng của các cơ quan, tổ chức nước ngoài đối với tỉnh, cấp huyện                                             | Vĩnh viễn |
| 80                 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên ngành về công tác cải cách hành chính của tỉnh, cấp huyện                                          | Vĩnh viễn |
| <b>II. KINH TẾ</b> |                                                                                                                                               |           |
|                    | <b>1. Tài chính, ngân sách</b>                                                                                                                |           |
| 81                 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác tài chính, ngân hàng tại các tỉnh, cấp huyện                | Vĩnh viễn |
| 82                 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác tài chính, ngân sách của tỉnh, cấp huyện                                      | Vĩnh viễn |
| 83                 | Hồ sơ giao dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của Chính phủ                                                                                  | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                      |           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | giao cho tỉnh; tỉnh giao cho sở, ngành, cấp huyện                                                                    |           |
| 84  | Hồ sơ giao dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của cấp huyện giao cho các cơ quan, đơn vị thực hiện                  | Vĩnh viễn |
| 85  | Báo cáo thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước của tỉnh, cấp huyện                                                     | Vĩnh viễn |
| 86  | Hồ sơ, tài liệu điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách của tỉnh, cấp huyện                                             | Vĩnh viễn |
| 87  | Báo cáo tài chính hàng năm của các sở, ban, ngành và cấp huyện                                                       | Vĩnh viễn |
| 88  | Báo cáo quyết toán thu chi ngân sách hàng năm của tỉnh, cấp huyện                                                    | Vĩnh viễn |
| 89  | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tài chính hàng năm do tỉnh, cấp huyện tổ chức              | Vĩnh viễn |
|     | <b>2. Vốn, kinh phí</b>                                                                                              |           |
| 90  | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về quản lý vốn, kinh phí của tỉnh, cấp huyện              | Vĩnh viễn |
| 91  | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm thực hiện cấp phát vốn đầu tư của tỉnh, cấp huyện                | Vĩnh viễn |
| 92  | Báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm của các sở, ban, ngành, cấp huyện                                              | Vĩnh viễn |
| 93  | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư và quản lý vốn đầu tư của tỉnh, cấp huyện                 | Vĩnh viễn |
| 94  | Hồ sơ Hội nghị tổng kết công tác sử dụng kinh phí và vốn hàng năm của tỉnh, cấp huyện                                | Vĩnh viễn |
| 95  | Hồ sơ cấp vốn, quản lý vốn các công trình trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                               | Vĩnh viễn |
| 96  | Hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành tại tỉnh, cấp huyện                                                       | Vĩnh viễn |
|     | <b>3. Quản lý công sản</b>                                                                                           |           |
| 97  | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp việc quản lý công sản của tỉnh, cấp huyện                 | Vĩnh viễn |
| 98  | Báo cáo về công tác quản lý công sản hàng năm của tỉnh, cấp huyện                                                    | Vĩnh viễn |
| 99  | Hồ sơ, tài liệu về quản lý công sản (khu công nghiệp, khu chế xuất, đất đai, trụ sở làm việc...) của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 100 | Hồ sơ, tài liệu về thay đổi chủ sở hữu tài sản công của tỉnh, cấp huyện                                              | Vĩnh viễn |
| 101 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý công sản của tỉnh, cấp huyện                       | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                                     |           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | <b>4. Kiểm toán</b>                                                                                                                                 |           |
| 102 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác kiểm toán của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
| 103 | Hồ sơ, tài liệu hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về kiểm toán của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 104 | Báo cáo của các sở, ban, ngành, doanh nghiệp về công tác kiểm toán của tỉnh, cấp huyện                                                              | Vĩnh viễn |
| 105 | Hồ sơ kiểm toán Nhà nước của tỉnh, cấp huyện                                                                                                        | Vĩnh viễn |
|     | <b>5. Vật giá</b>                                                                                                                                   |           |
| 106 | Văn bản của UBND tỉnh, cấp huyện về quản lý giá cả, thị trường và quy định về khung giá                                                             | Vĩnh viễn |
| 107 | Báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình giá cả, thị trường và công tác quản lý chỉ đạo, định hướng điều hành giá cả của tỉnh, cấp huyện            | Vĩnh viễn |
| 108 | Hồ sơ xây dựng chế độ, quy định về giá của tỉnh, cấp huyện                                                                                          | Vĩnh viễn |
|     | <b>6. Dự trữ quốc gia</b>                                                                                                                           |           |
| 109 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về thực hiện công tác dự trữ quốc gia của tỉnh, cấp huyện                     | Vĩnh viễn |
| 110 | Kế hoạch, báo cáo về công tác dự trữ hàng năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                                                                        | Vĩnh viễn |
| 111 | Tài liệu về việc lập quỹ dự trữ theo quy định của tỉnh, cấp huyện                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 112 | Hồ sơ thực hiện các nhiệm vụ dự trữ quốc gia của tỉnh, cấp huyện                                                                                    | Vĩnh viễn |
|     | <b>7. Tài chính doanh nghiệp</b>                                                                                                                    |           |
| 113 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác tài chính doanh nghiệp của tỉnh, cấp huyện                        | Vĩnh viễn |
| 114 | Báo cáo đánh giá tài chính doanh nghiệp hàng năm                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 115 | Tài liệu về việc thành lập, tổ chức lại doanh nghiệp, cấp, đổi giấy phép và sắp xếp sản xuất kinh doanh                                             | Vĩnh viễn |
| 116 | Hồ sơ, tài liệu về giải thể, phá sản doanh nghiệp                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 117 | Hồ sơ, tài liệu về việc cổ phần hóa doanh nghiệp                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 118 | Hồ sơ quản lý doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                        | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                               |           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | <b>8. Thuế</b>                                                                                                                |           |
| 119 | Văn bản của cơ quan cấp trên, của tỉnh quy định các mức thuế của tỉnh, cấp huyện                                              | Vĩnh viễn |
| 120 | Chỉ tiêu pháp lệnh và chỉ tiêu phân đầu thu ngân sách Nhà nước hàng năm (chính thức, bổ sung, điều chỉnh) của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 121 | Hồ sơ xây dựng và phê duyệt dự toán thu ngân sách Nhà nước hàng năm của ngành thuế của tỉnh, cấp huyện                        | Vĩnh viễn |
| 122 | Báo cáo tổng hợp nguồn thu thuế hàng năm về ngành thuế của tỉnh, cấp huyện                                                    | Vĩnh viễn |
| 123 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thuế của tỉnh, cấp huyện                                            | Vĩnh viễn |
|     | <b>9. Ngân hàng</b>                                                                                                           |           |
| 124 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác ngân hàng của tỉnh, cấp huyện                          | Vĩnh viễn |
| 125 | Kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình hoạt động của các ngân hàng ở tỉnh, cấp huyện                              | Vĩnh viễn |
| 126 | Hồ sơ, tài liệu về việc xử lý những vụ vi phạm nghiêm trọng xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng của tỉnh, cấp huyện               | Vĩnh viễn |
| 127 | Hồ sơ về công tác thu đổi tiền tệ của tỉnh, cấp huyện                                                                         | Vĩnh viễn |
| 128 | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực ngân hàng của tỉnh, cấp huyện                                                            | Vĩnh viễn |
|     | <b>10. Kho bạc</b>                                                                                                            |           |
| 129 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác kho bạc của tỉnh, cấp huyện                            | Vĩnh viễn |
| 130 | Kế hoạch, báo cáo tình hình hoạt động của Kho bạc Nhà nước của tỉnh, cấp huyện                                                | Vĩnh viễn |
| 131 | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về công tác kho bạc của tỉnh, cấp huyện                                                              | Vĩnh viễn |
|     | <b>11. Hải quan</b>                                                                                                           |           |
| 132 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác hải quan                                    | Vĩnh viễn |
| 133 | Kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác hải quan                                                                    | Vĩnh viễn |
| 134 | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về công tác hải quan                                                                                 | Vĩnh viễn |
|     | <b>12. Quản lý thị trường</b>                                                                                                 |           |
| 135 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo                                                                   | Vĩnh viễn |

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                                      |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                                                                   | trực tiếp về công tác quản lý thị trường của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                         |           |
| 136                                                                                               | Kế hoạch, báo cáo tình hình quản lý thị trường hàng năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 137                                                                                               | Hồ sơ xử lý, giải quyết các vụ việc nghiêm trọng liên quan đến lĩnh vực quản lý thị trường của tỉnh, cấp huyện                                                                       | Vĩnh viễn |
| <b>III. NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN - THỦY LỢI<br/>CHĂN NUÔI, THÚ Y - BẢO VỆ THỰC VẬT</b> |                                                                                                                                                                                      |           |
|                                                                                                   | <b>1. Nông nghiệp</b>                                                                                                                                                                |           |
| 138                                                                                               | Văn bản của cơ quan cấp trên, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về nông nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 139                                                                                               | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 140                                                                                               | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về những vấn đề nông nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 141                                                                                               | Bản đồ quy hoạch và thực trạng phát triển các vùng trồng trọt, chăn nuôi, các loại giống cây, giống con và sử dụng các loại cơ giới, vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 142                                                                                               | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 143                                                                                               | Sổ sách thống kê, theo dõi, số liệu điều tra tổng hợp về tình hình biến động, phát triển các đề trong nông nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                | Vĩnh viễn |
|                                                                                                   | <b>2. Chính sách phát triển nông thôn</b>                                                                                                                                            |           |
| 144                                                                                               | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về các chính sách phát triển nông thôn của tỉnh, cấp huyện                                                                | Vĩnh viễn |
| 145                                                                                               | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình thực hiện các chính sách phát triển nông thôn của tỉnh, cấp huyện                                                   | Vĩnh viễn |
| 146                                                                                               | Báo cáo chuyên đề về việc thực hiện các chính sách phát triển nông thôn của tỉnh, cấp huyện                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 147                                                                                               | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về thực hiện các chính sách phát triển nông thôn tại các địa phương trong tỉnh, cấp huyện                                                              | Vĩnh viễn |
| 148                                                                                               | Hồ sơ giải quyết những vấn đề quan trọng trong thực hiện các chính sách phát triển nông thôn của tỉnh, cấp huyện                                                                     | Vĩnh viễn |
| 149                                                                                               | Bản đồ quy hoạch và thực trạng về tình hình thực hiện các                                                                                                                            | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                             |           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | chính sách phát triển nông thôn tại các địa phương trong tỉnh, cấp huyện                                                    |           |
| 150 | Hồ sơ, tài liệu về chương trình nước sạch tại các địa phương trong tỉnh, cấp huyện                                          | Vĩnh viễn |
| 151 | Hồ sơ, tài liệu về thực hiện giãn dân, di dân đi vùng kinh tế mới của tỉnh, cấp huyện                                       | Vĩnh viễn |
| 152 | Hồ sơ, tài liệu về quản lý công tác định canh, định cư của tỉnh, cấp huyện                                                  | Vĩnh viễn |
| 153 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về chính sách phát triển nông thôn của tỉnh, cấp huyện                        | Vĩnh viễn |
| 154 | Sổ sách thống kê, theo dõi, tổng hợp về tình hình thực hiện các chính sách phát triển nông thôn của tỉnh, cấp huyện         | Vĩnh viễn |
|     | <b>3. Lâm nghiệp</b>                                                                                                        |           |
| 155 | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý chỉ đạo trực tiếp về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, cấp huyện           | Vĩnh viễn |
| 156 | Chương trình, kế hoạch và báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác lâm nghiệp của tỉnh, cấp huyện                            | Vĩnh viễn |
| 157 | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về quản lý trong lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                      | Vĩnh viễn |
| 158 | Báo cáo chuyên đề nghiên cứu lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                        | Vĩnh viễn |
| 159 | Bản đồ quy hoạch và bản đồ thực trạng phát triển rừng trên địa bàn trong tỉnh, cấp huyện                                    | Vĩnh viễn |
| 160 | Hồ sơ, tài liệu quản lý việc sử dụng đất lâm nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                     | Vĩnh viễn |
| 161 | Hồ sơ, tài liệu cho thuê đất rừng gắn với phát triển kinh tế và phát triển rừng của tỉnh, cấp huyện                         | Vĩnh viễn |
| 162 | Hồ sơ xử lý những vụ việc vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                | Vĩnh viễn |
| 163 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                    | Vĩnh viễn |
|     | <b>4. Thủy sản</b>                                                                                                          |           |
| 164 | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề thủy sản trên địa bàn tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                        |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 165 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về các hoạt động về lĩnh vực thủy sản của tỉnh, cấp huyện          | Vĩnh viễn |
| 166 | Hồ sơ giải quyết những vấn đề nghiêm trọng về lĩnh vực thủy sản của tỉnh, cấp huyện                                    | Vĩnh viễn |
| 167 | Hồ sơ chỉ đạo điểm xây dựng các mô hình nuôi trồng, chế biến, khai thác thủy sản của tỉnh, cấp huyện                   | Vĩnh viễn |
| 168 | Hồ sơ, tài liệu về xây dựng đề án quy hoạch và phát triển ngành thủy sản của tỉnh, cấp huyện                           | Vĩnh viễn |
| 169 | Hồ sơ, tài liệu quản lý việc sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản của tỉnh, cấp huyện                                    | Vĩnh viễn |
| 170 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác nuôi trồng, chế biến, khai thác thủy sản của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 171 | Sổ sách theo dõi, tổng hợp số liệu về ngành thủy sản qua các năm của tỉnh, cấp huyện                                   | Vĩnh viễn |
|     | <b>5. Thủy lợi</b>                                                                                                     |           |
| 172 | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề thủy lợi của tỉnh, cấp huyện     | Vĩnh viễn |
| 173 | Chương trình, kế hoạch và báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác thủy lợi của tỉnh, cấp huyện                            | Vĩnh viễn |
| 174 | Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình về những vấn đề thủy lợi của tỉnh, cấp huyện                                             | Vĩnh viễn |
| 175 | Báo cáo chuyên đề về công tác thủy lợi của tỉnh, cấp huyện                                                             | Vĩnh viễn |
| 176 | Tài liệu, bản đồ quy hoạch, thực trạng hệ thống đê điều, thủy lợi của tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |
| 177 | Hồ sơ, tài liệu về công tác phòng chống bão lụt điển hình trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                 | Vĩnh viễn |
| 178 | Hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý và bảo vệ hệ thống đê điều tại các tỉnh, cấp huyện                                 | Vĩnh viễn |
| 179 | Hồ sơ về các vụ vi phạm nghiêm trọng về việc bảo vệ đê điều tại các tỉnh, cấp huyện                                    | Vĩnh viễn |
| 180 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thủy lợi của tỉnh, cấp huyện                                 | Vĩnh viễn |
| 181 | Sổ sách thống kê, theo dõi số liệu điều tra về các vấn đề thủy lợi của tỉnh, cấp huyện                                 | Vĩnh viễn |

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                               | <b>6. Chăn nuôi - Thú y</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |
| 182                                           | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về lĩnh vực thú y của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 183                                           | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về thực hiện công tác phòng, chống các dịch bệnh gia súc, gia cầm và kiểm dịch động vật hàng năm, nhiều năm tại các tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 184                                           | Chương trình, kế hoạch, quy hoạch, báo cáo về công tác chăn nuôi hàng năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 185                                           | Tài liệu về vắc xin, thuốc phòng chống các loại bệnh gia súc, gia cầm của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 186                                           | Tài liệu điều tra số lượng, chất lượng, giống các loại gia súc, gia cầm của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 187                                           | Hồ sơ về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y (kiểm dịch, kiểm soát giết mổ gia súc, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các lò giết mổ gia súc, kiểm tra điều kiện kinh doanh vắc xin và thú y tại các cửa hàng kinh doanh vắc xin và thuốc thú y...) của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 188                                           | Hồ sơ xử lý các dịch bệnh, kiểm soát các ổ dịch gia súc, gia cầm của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
|                                               | <b>7. Bảo vệ thực vật</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |
| 189                                           | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác bảo vệ thực vật của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 190                                           | Chương trình, kế hoạch và báo cáo hàng năm, nhiều năm về việc quản lý thuốc bảo vệ thực vật của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 191                                           | Tài liệu về thanh tra, kiểm tra về dịch bệnh giống, cây trồng của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 192                                           | Tài liệu về khuyến cáo và sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 193                                           | Hồ sơ xử lý các vụ việc vi phạm về việc bán thuốc không đúng, kém chất lượng gây thiệt hại cho sản xuất của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| <b>IV. CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |
|                                               | <b>1. Công nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
| 194                                           | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về lĩnh vực công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 195                                           | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về phát triển công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 196 | Tài liệu về các chủ trương, biện pháp thực hiện công nghiệp hóa trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 197 | Hồ sơ quản lý việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển công nghiệp, xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                         | Vĩnh viễn |
| 198 | Hồ sơ về các khu công nghiệp, dự án thành lập, đầu tư các khu công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 199 | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
|     | <b>2. Tiểu - Thủ công nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                        |           |
| 200 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch xây dựng và phát triển ngành tiểu - thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, cấp huyện (tổng thể, chi tiết)                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 201 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình sản xuất thủ công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 202 | Tài liệu về các chủ trương, biện pháp thực hiện công nghiệp hóa trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 203 | Hồ sơ quản lý việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển công nghiệp, xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế của tỉnh, cấp huyện                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 204 | Hồ sơ chỉ đạo điểm, xây dựng mô hình làng nghề sản xuất, hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 205 | Hồ sơ tài liệu về các thương hiệu sản phẩm hàng hóa của các hợp tác xã, các làng nghề như: Chế biến nông, lâm, thổ sản; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến lương thực thực phẩm; gia công cơ khí, hàng mộc dân dụng... của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 206 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
|     | <b>3. Điện</b>                                                                                                                                                                                                                                          |           |
| 207 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác điện lực của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 208 | Kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực điện lực của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 209 | Hồ sơ về quy hoạch và phát triển mạng lưới điện trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 210 | Văn bản chỉ đạo, báo cáo về công tác quản lý chất lượng điện                                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                 | và giá điện trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
| 211                                             | Hồ sơ Hội nghị tổng kết công tác điện lực của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| <b>V. GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| 212                                             | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực giao thông vận tải của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 213                                             | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm công tác giao thông vận tải của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 214                                             | Hồ sơ về quy hoạch và phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, cấp huyện (tỉnh lộ, huyện lộ, đường giao thông liên xã, liên ấp, liên xóm....)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 215                                             | Hồ sơ, tài liệu quy định về an toàn lộ giới của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 216                                             | Hồ sơ, tài liệu về xây dựng các tuyến đường giao thông của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 217                                             | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác giao thông của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| <b>VI. XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
|                                                 | <b>1. Quản lý xây dựng cơ bản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |
| 218                                             | Văn bản của Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý xây dựng cơ bản của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 219                                             | Chương trình, kế hoạch, báo cáo về việc thực hiện công tác xây dựng hàng năm, nhiều năm của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 220                                             | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch xây dựng trên địa bàn (tổng thể, chi tiết) tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 221                                             | <p>Hồ sơ các dự án, công trình xây dựng và các loại hình tài liệu như: Tài liệu giấy; tài liệu phim, ảnh, băng, đĩa ghi âm ghi hình; tài liệu điện tử và các loại hình tài liệu khác (nếu có) thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử được hình thành trong quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư; nghiên cứu, khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lựa chọn nhà thầu; thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào sử dụng của các công trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dự án, công trình quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội</li> <li>- Các công trình được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh</li> </ul> | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | <p>lam thắng cảnh (gọi chung là di tích) từ cấp II trở lên</p> <p>- Các công trình theo quy định của pháp luật về phân loại, phân cấp công trình xây dựng, gồm:</p> <p>+ Công trình dân dụng từ cấp I trở lên; công trình phục vụ tín ngưỡng; công trình trụ sở các cơ quan cấp tỉnh; công trình kho lưu trữ chuyên dụng cấp quốc gia và cấp tỉnh</p> <p>+ Công trình công nghiệp cấp đặc biệt; các công trình công nghiệp dầu khí, công trình năng lượng, công trình công nghiệp hóa chất và hóa dầu từ cấp I trở lên</p> <p>+ Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp đặc biệt; công trình cấp nước, thoát nước từ cấp I trở lên</p> <p>+ Công trình giao thông từ cấp I trở lên</p> <p>+ Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn từ cấp I trở lên</p> |           |
| 222 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý xây dựng cơ bản của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
|     | <b>2. Quản lý đô thị</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |
| 223 | Tài liệu của UBND tỉnh, huyện chỉ đạo về công tác quản lý đô thị (giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, môi trường, điện chiếu sáng đô thị, nước sạch...) của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 224 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác quản lý đô thị của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 225 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và phát triển đô thị của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 226 | Hồ sơ dự án đầu tư, xây dựng đô thị của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 227 | Hồ sơ về các chương trình, dự án trong lĩnh vực cấp, thoát nước đô thị của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn |
| 228 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý đô thị của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
|     | <b>3. Quản lý và sử dụng nhà ở, đất ở</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |
| 229 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý và sử dụng nhà, đất ở của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 230 | Báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác quản lý và sử dụng nhà, đất ở của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 231 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 232 | Hồ sơ, tài liệu quy định về chỉ giới xây dựng nhà của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn |

|                                            |                                                                                                                                                                         |           |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 233                                        | Hồ sơ, tài liệu về chuyển quyền sử dụng nhà, đất ở của tỉnh, cấp huyện                                                                                                  | Vĩnh viễn |
| 234                                        | Hồ sơ, tài liệu quy định về bồi thường nhà, đất ở của tỉnh, cấp huyện                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 235                                        | Tài liệu về việc thực hiện chính sách nhà ở của tỉnh, cấp huyện                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 236                                        | Quy định, hướng dẫn của UBND tỉnh, cấp huyện về việc tổ chức, cá nhân thuê nhà của Nhà nước cho người nước ngoài thuê nhà                                               | Vĩnh viễn |
| 237                                        | Hồ sơ về việc điều tra, kiểm tra về nhà cửa của tỉnh, cấp huyện                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 238                                        | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý và sử dụng nhà ở, đất ở của tỉnh, cấp huyện                                                           | Vĩnh viễn |
| <b>VII. THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH</b> |                                                                                                                                                                         |           |
|                                            | <b>1. Thương mại - Dịch vụ</b>                                                                                                                                          |           |
| 239                                        | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về hoạt động thương mại, dịch vụ của tỉnh, cấp huyện                                                         | Vĩnh viễn |
| 240                                        | Tài liệu về quy chế, quy định về quản lý lĩnh vực thương mại, dịch vụ của tỉnh, cấp huyện                                                                               | Vĩnh viễn |
| 241                                        | Báo cáo hàng năm, nhiều năm về hoạt động thương mại, dịch vụ của tỉnh, cấp huyện                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 242                                        | Hồ sơ về quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, cấp huyện (tổ chức mạng lưới kinh doanh, hợp tác xã mua bán, chợ nông thôn, các cơ sở du lịch ...) | Vĩnh viễn |
| 243                                        | Hồ sơ tổ chức, quản lý các hội chợ, triển lãm thương mại của tỉnh, cấp huyện                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 244                                        | Hồ sơ quản lý các doanh nghiệp kinh doanh các loại dịch vụ của tỉnh, cấp huyện                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 245                                        | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về thương mại, dịch vụ của tỉnh, cấp huyện                                                                                | Vĩnh viễn |
|                                            | <b>2. Xuất, nhập khẩu</b>                                                                                                                                               |           |
| 246                                        | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh, cấp huyện                                                             | Vĩnh viễn |
| 247                                        | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình xuất, nhập khẩu của tỉnh, cấp huyện                                                                    | Vĩnh viễn |
| 248                                        | Danh mục hàng hóa cấm xuất, nhập khẩu của tỉnh, cấp huyện                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 249                                        | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực                                                                                                               | Vĩnh viễn |

|                                  |                                                                                                                  |           |
|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                  | xuất, nhập khẩu của tỉnh, cấp huyện                                                                              |           |
|                                  | <b>3. Kinh tế đối ngoại</b>                                                                                      |           |
| 250                              | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh, cấp huyện    | Vĩnh viễn |
| 251                              | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh, cấp huyện           | Vĩnh viễn |
| 252                              | Tài liệu về việc đặt cơ quan đại diện thương mại nước ngoài tại tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |
| 253                              | Hồ sơ về việc hợp tác kinh tế với nước ngoài của tỉnh, cấp huyện                                                 | Vĩnh viễn |
| 254                              | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực kinh tế đối ngoại của tỉnh, cấp huyện                  | Vĩnh viễn |
|                                  | <b>4. Du lịch</b>                                                                                                |           |
| 255                              | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về công tác du lịch của tỉnh, cấp huyện      | Vĩnh viễn |
| 256                              | Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm công tác du lịch của tỉnh, cấp huyện              | Vĩnh viễn |
| 257                              | Chương trình, đề án quy hoạch xây dựng và phát triển ngành du lịch của tỉnh, cấp huyện                           | Vĩnh viễn |
| 258                              | Hồ sơ về các dự án đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước cho ngành du lịch của tỉnh, cấp huyện              | Vĩnh viễn |
| 259                              | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác du lịch của tỉnh, cấp huyện                            | Vĩnh viễn |
| <b>VIII. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> |                                                                                                                  |           |
| 260                              | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về công tác giáo dục của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 261                              | Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm công tác giáo dục của tỉnh, cấp huyện             | Vĩnh viễn |
| 262                              | Chương trình, đề án quy hoạch xây dựng và phát triển ngành giáo dục của tỉnh, cấp huyện                          | Vĩnh viễn |
| 263                              | Hồ sơ về các dự án đầu tư của các tổ chức trong và ngoài tỉnh cho ngành giáo dục của tỉnh, cấp huyện             | Vĩnh viễn |
| 264                              | Hồ sơ đề nghị khen thưởng và công nhận các danh hiệu đối với giáo viên và học sinh thuộc tỉnh, cấp huyện quản lý | Vĩnh viễn |
| 265                              | Số liệu điều tra cơ bản về ngành giáo dục của tỉnh, cấp huyện                                                    | Vĩnh viễn |

|                                                   |                                                                                                                                        |           |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 266                                               | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác giáo dục của tỉnh, cấp huyện                                                 | Vĩnh viễn |
| <b>IX. VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ DỤC THỂ THAO</b> |                                                                                                                                        |           |
|                                                   | <b>1. Văn hóa</b>                                                                                                                      |           |
| 267                                               | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực văn hóa của tỉnh, cấp huyện                        | Vĩnh viễn |
| 268                                               | Chương trình, kế hoạch và báo cáo hàng năm, nhiều năm về các hoạt động văn hóa của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
| 269                                               | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và phát triển mạng lưới các nhà văn hóa trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                      | Vĩnh viễn |
| 270                                               | Hồ sơ giải quyết những vụ việc nghiêm trọng trong hoạt động của ngành văn hóa trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                             | Vĩnh viễn |
| 271                                               | Tập báo cáo chuyên đề về các hoạt động văn hóa của tỉnh, cấp huyện                                                                     | Vĩnh viễn |
| 272                                               | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác văn hóa của tỉnh, cấp huyện                                                  | Vĩnh viễn |
|                                                   | <b>2. Phát thanh - Truyền hình</b>                                                                                                     |           |
| 273                                               | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý chỉ đạo trực tiếp về công tác phát thanh, truyền hình của tỉnh, cấp huyện         | Vĩnh viễn |
| 274                                               | Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm về công tác phát thanh, truyền hình của tỉnh, cấp huyện                 | Vĩnh viễn |
| 275                                               | Hồ sơ giải quyết những vấn đề vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình của tỉnh, cấp huyện                          | Vĩnh viễn |
| 276                                               | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác phát thanh, truyền hình của tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |
|                                                   | <b>3. Bưu chính viễn thông</b>                                                                                                         |           |
| 277                                               | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về lĩnh vực bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh, cấp huyện               | Vĩnh viễn |
| 278                                               | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình phát triển hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 279                                               | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực bưu chính viễn thông của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
|                                                   | <b>4. Thể dục, thể thao</b>                                                                                                            |           |
| 280                                               | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo                                                                          | Vĩnh viễn |

|                         |                                                                                                                                                                                                                     |           |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                         | trực tiếp về các hoạt động thể dục, thể thao của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                    |           |
| 281                     | Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm về các hoạt động thể dục, thể thao của tỉnh, cấp huyện                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 282                     | Hồ sơ Hội nghị tổng kết các hoạt động thể dục thể thao của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| <b>X. Y TẾ - XÃ HỘI</b> |                                                                                                                                                                                                                     |           |
|                         | <b>1. Y tế</b>                                                                                                                                                                                                      |           |
| 283                     | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp các hoạt động y tế trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 284                     | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm hoạt động y tế của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 285                     | Chương trình, đề án quy hoạch xây dựng và phát triển ngành y tế trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 286                     | Các báo cáo chuyên đề về y tế trên địa bàn (công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, tuyên truyền giáo dục y tế cộng đồng, kế hoạch hóa gia đình ...) của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 287                     | Tập báo cáo về tình hình hoạt động của Bệnh viện đa khoa tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 288                     | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác y tế của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                  | Vĩnh viễn |
|                         | <b>2. Lao động - Thương binh - Xã hội</b>                                                                                                                                                                           |           |
| 289                     | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về công tác lao động, thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                    | Vĩnh viễn |
| 290                     | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm về công tác lao động, thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                               | Vĩnh viễn |
| 291                     | Báo cáo chuyên đề về công tác lao động, thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 292                     | Tài liệu, bản đồ về công tác quy tập mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 293                     | Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của các Quỹ do UBND tỉnh, huyện quản lý (quỹ Đền ơn đáp nghĩa, quỹ Bảo trợ trẻ em, quỹ vì người nghèo ...)                                                                             | Vĩnh viễn |

|                                                        |                                                                                                                                                                                        |           |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 294                                                    | Báo cáo hoạt động của các Trung tâm dạy nghề và dịch vụ việc làm, Trung tâm bảo trợ xã hội... do UBND tỉnh, cấp huyện quản lý                                                          | Vĩnh viễn |
| 295                                                    | Số liệu thống kê, điều tra cơ bản của ngành lao động, thương binh và xã hội tỉnh, cấp huyện                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 296                                                    | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác lao động, thương binh và xã hội của tỉnh, cấp huyện                                                                          | Vĩnh viễn |
|                                                        | <b>3. Bảo hiểm xã hội</b>                                                                                                                                                              |           |
| 297                                                    | Văn bản của tỉnh về việc thực hiện chế độ bảo hiểm trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 298                                                    | Báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm công tác bảo hiểm của tỉnh                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 299                                                    | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác bảo hiểm của tỉnh.                                                                                                           | Vĩnh viễn |
|                                                        | <b>4. Dân số - gia đình và trẻ em</b>                                                                                                                                                  |           |
| 300                                                    | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo trực tiếp về công tác dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                            | Vĩnh viễn |
| 301                                                    | Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm công tác về dân số, gia đình và trẻ em của tỉnh, cấp huyện                                                              | Vĩnh viễn |
| 302                                                    | Báo cáo chuyên đề về công tác chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh (phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, tàn tật ...) trên địa bàn tỉnh, cấp huyện. | Vĩnh viễn |
| 303                                                    | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác dân số, gia đình và trẻ em của tỉnh, cấp huyện                                                                               | Vĩnh viễn |
| <b>XI. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b> |                                                                                                                                                                                        |           |
|                                                        | <b>1. Khoa học, công nghệ</b>                                                                                                                                                          |           |
| 304                                                    | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn trực tiếp về lĩnh vực khoa học, công nghệ của tỉnh, cấp huyện                                                                      | Vĩnh viễn |
| 305                                                    | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về các hoạt động khoa học, công nghệ của tỉnh, cấp huyện                                                                           | Vĩnh viễn |
| 306                                                    | Hồ sơ về Hội nghị khoa học của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 307                                                    | Hồ sơ về việc chỉ đạo, hướng dẫn ứng dụng các quy trình công nghệ mới vào hoạt động sản xuất của tỉnh, cấp huyện                                                                       | Vĩnh viễn |
| 308                                                    | Hồ sơ về việc xây dựng, chỉ đạo điểm các mô hình trình diễn giới thiệu các sản phẩm khoa học công nghệ của tỉnh, cấp huyện                                                             | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                                 |           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 309 | Hồ sơ về các sáng kiến, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ của các tập thể, cá nhân của tỉnh, cấp huyện                                      | Vĩnh viễn |
| 310 | Tài liệu hoạt động của Hội đồng khoa học của tỉnh, cấp huyện                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 311 | Hồ sơ các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước của tỉnh, cấp huyện                                                             | Vĩnh viễn |
| 312 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết công tác khoa học công nghệ của tỉnh, cấp huyện                                                                         | Vĩnh viễn |
|     | <b>2. Công nghệ thông tin</b>                                                                                                                   |           |
| 313 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn trực tiếp về lĩnh vực công nghệ thông tin của tỉnh, cấp huyện                                | Vĩnh viễn |
| 314 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực công nghệ thông tin của tỉnh, cấp huyện                                         | Vĩnh viễn |
| 315 | Chương trình, báo cáo hàng năm về việc thực hiện chương trình công nghệ thông tin của UBND tỉnh, cấp huyện và các sở, ngành                     | Vĩnh viễn |
| 316 | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực công nghệ thông tin của tỉnh, cấp huyện                                                                    | Vĩnh viễn |
|     | <b>3. Tài nguyên - Môi trường</b>                                                                                                               |           |
| 317 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về hoạt động quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên, môi trường của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 318 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên, môi trường của tỉnh, cấp huyện                  | Vĩnh viễn |
| 319 | Hồ sơ, tài liệu về nguồn tài nguyên, khoáng sản của tỉnh, cấp huyện                                                                             | Vĩnh viễn |
| 320 | Hồ sơ, tài liệu về quản lý khai thác tài nguyên của tỉnh, cấp huyện                                                                             | Vĩnh viễn |
| 321 | Hồ sơ, tài liệu về phòng chống thảm họa của tỉnh, cấp huyện                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 322 | Hồ sơ về các chương trình, dự án quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                      | Vĩnh viễn |
| 323 | Hồ sơ tổ chức thực hiện quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                               | Vĩnh viễn |
| 324 | Hồ sơ xử lý các vụ việc ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                            | Vĩnh viễn |
| 325 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tài nguyên, môi trường của tỉnh, cấp huyện                                            | Vĩnh viễn |
| 326 | Sổ đăng ký cấp giấy phép khai thác tài nguyên của tỉnh, cấp huyện                                                                               | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                  |           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|     | <b>4. Đất đai</b>                                                                                                                |           |
| 327 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn trực tiếp về công tác quản lý, sử dụng ruộng đất trên địa bàn tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 328 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác quản lý, sử dụng ruộng, đất của tỉnh, cấp huyện                  | Vĩnh viễn |
| 329 | Hồ sơ, tài liệu về đo đạc lập bản đồ ruộng đất của tỉnh, cấp huyện                                                               | Vĩnh viễn |
| 330 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, cấp huyện                                                         | Vĩnh viễn |
| 331 | Hồ sơ, tài liệu về cho thuê, chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn cho các tổ chức và cá nhân của tỉnh, cấp huyện                | Vĩnh viễn |
| 332 | Tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai của tỉnh, cấp huyện                                                                        | Vĩnh viễn |
| 333 | Hồ sơ giải quyết những vấn đề nghiêm trọng về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                      | Vĩnh viễn |
| 334 | Hồ sơ, tài liệu về bồi thường đất ở trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                 | Vĩnh viễn |
| 335 | Tài liệu về việc thực hiện chính sách đất ở trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                         | Vĩnh viễn |
| 336 | Báo cáo về công tác quản lý và sử dụng đất ở của tỉnh, cấp huyện hàng năm, nhiều năm                                             | Vĩnh viễn |
| 337 | Hồ sơ về tình hình động đất hàng năm, nhiều năm của các tỉnh, cấp huyện                                                          | Vĩnh viễn |
| 338 | Hồ sơ thanh tra về vấn đề đất đai trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                   | Vĩnh viễn |
| 339 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác đất đai trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                   | Vĩnh viễn |
|     | <b>5. Tài nguyên nước</b>                                                                                                        |           |
| 340 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn trực tiếp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh, cấp huyện           | Vĩnh viễn |
| 341 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về quản lý, khai thác tài nguyên nước của trên địa bàn tỉnh, cấp huyện       | Vĩnh viễn |
| 342 | Hồ sơ xử lý những vụ vi phạm nghiêm trọng về quản lý, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh, cấp huyện                                | Vĩnh viễn |
| 343 | Hồ sơ Hội nghị chuyên đề về lĩnh vực quản lý tài nguyên nước của tỉnh, cấp huyện                                                 | Vĩnh viễn |
|     | <b>6. Khí tượng thủy văn</b>                                                                                                     |           |
| 344 | Tập văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh quản lý, chỉ đạo                                                                    | Vĩnh viễn |

|                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                             | trực tiếp về các vấn đề khí tượng thủy văn của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                   |           |
| 345                                                         | Báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác khí tượng thủy văn của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| <b>XII. QUỐC PHÒNG - AN NINH - TRẬT TỰ - AN TOÀN XÃ HỘI</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |
|                                                             | <b>1. Quân sự, quốc phòng</b>                                                                                                                                                                                                                                    |           |
| 346                                                         | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác quân sự, quốc phòng của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                        | Vĩnh viễn |
| 347                                                         | Kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác xây dựng và củng cố quốc phòng của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 348                                                         | Hồ sơ về tuyển quân hàng năm của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 349                                                         | Kế hoạch, báo cáo của Ban chỉ huy quân sự tỉnh và các Ban chỉ huy quân sự cấp huyện về công tác quân sự hàng năm (tuyển quân, huấn luyện, diễn tập, phòng thủ và phối hợp tác chiến, bảo vệ chính quyền, chống bạo loạn, xây dựng lực lượng, dân quân tự vệ ...) | Vĩnh viễn |
| 350                                                         | Báo cáo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện về công tác quân sự, quốc phòng                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 351                                                         | Hồ sơ về việc thực hiện các chế độ đối với quân nhân và chính sách hậu phương, quân đội của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 352                                                         | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên ngành về công tác quân sự, quốc phòng của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
|                                                             | <b>2. An ninh trật tự</b>                                                                                                                                                                                                                                        |           |
| 353                                                         | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, trực tiếp về công tác an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 354                                                         | Kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 355                                                         | Hồ sơ, tài liệu về an ninh quốc gia của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 356                                                         | Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về bảo vệ bí mật Nhà nước của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn |
| 357                                                         | Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công tác phòng cháy, chữa cháy của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 358                                                         | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên ngành về công tác an ninh, trật tự của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 359                                                         | Danh mục bí mật Nhà nước của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn |

| <b>XIII. DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO</b> |                                                                                                                                         |           |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                  | <b>1. Dân tộc</b>                                                                                                                       |           |
| 360                              | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác dân tộc của tỉnh, cấp huyện                           | Vĩnh viễn |
| 361                              | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác dân tộc của tỉnh, cấp huyện                                                | Vĩnh viễn |
| 362                              | Hồ sơ các chương trình, dự án đối với các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 363                              | Hồ sơ, tài liệu giải quyết các vấn đề nghiêm trọng về dân tộc (vụ việc nghiêm trọng) của tỉnh, cấp huyện                                | Vĩnh viễn |
| 364                              | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác dân tộc của tỉnh, cấp huyện                                                   | Vĩnh viễn |
|                                  | <b>2. Tôn giáo</b>                                                                                                                      |           |
| 365                              | Tài liệu của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác tôn giáo của tỉnh, cấp huyện                         | Vĩnh viễn |
| 366                              | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm đột xuất về công tác tôn giáo của tỉnh, cấp huyện                                   | Vĩnh viễn |
| 367                              | Hồ sơ, tài liệu giải quyết các vụ việc về tôn giáo có tính chất nghiêm trọng của tỉnh, cấp huyện                                        | Vĩnh viễn |
| 368                              | Hồ sơ về việc lập hội, trường, lớp cho các hoạt động tôn giáo của tỉnh, cấp huyện                                                       | Vĩnh viễn |
| 369                              | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tôn giáo của tỉnh, cấp huyện                                                  | Vĩnh viễn |
| <b>XIV. THI HÀNH PHÁP LUẬT</b>   |                                                                                                                                         |           |
|                                  | <b>1. Tư pháp</b>                                                                                                                       |           |
| 370                              | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác tư pháp của tỉnh, cấp huyện                           | Vĩnh viễn |
| 371                              | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác tư pháp của tỉnh, cấp huyện                                             | Vĩnh viễn |
| 372                              | Hồ sơ xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, cấp huyện                                                             | Vĩnh viễn |
| 373                              | Hồ sơ, tài liệu về công tác cải cách tư pháp, hỗ trợ tư pháp và thi hành án dân sự của tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |

|                                                                |                                                                                                                                                         |           |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 374                                                            | Hồ sơ, tài liệu về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật của tỉnh, cấp huyện                                                                        | Vĩnh viễn |
| 375                                                            | Báo cáo hàng năm, nhiều năm về việc thực hiện thi hành pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động trên địa bàn tỉnh, cấp huyện                              | Vĩnh viễn |
| 376                                                            | Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với các vụ việc nghiêm trọng của tỉnh, cấp huyện                                                                   | Vĩnh viễn |
| 377                                                            | Hồ sơ quản lý việc thay đổi, cải chính, đăng ký hộ tịch của tỉnh, cấp huyện                                                                             | Vĩnh viễn |
| 378                                                            | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tư pháp của tỉnh, cấp huyện                                                                   | Vĩnh viễn |
|                                                                | <b>2. Tòa án</b>                                                                                                                                        |           |
| 379                                                            | Chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác năm của Tòa án nhân dân tỉnh, cấp huyện                                                                      | Vĩnh viễn |
| 380                                                            | Báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh, cấp huyện về các vụ việc điển hình                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 381                                                            | Hồ sơ về việc kiểm tra các bản án đã có hiệu lực của tỉnh, cấp huyện                                                                                    | Vĩnh viễn |
|                                                                | <b>3. Kiểm sát</b>                                                                                                                                      |           |
| 382                                                            | Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác năm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, cấp huyện                                                                 | Vĩnh viễn |
| 383                                                            | Báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, cấp huyện về các vụ việc điển hình                                                                             | Vĩnh viễn |
|                                                                | <b>4. Thanh tra, khiếu nại, tố cáo, tiếp dân</b>                                                                                                        |           |
| 384                                                            | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về hoạt động thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo, tiếp dân của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 385                                                            | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo, tiếp dân của tỉnh, cấp huyện                    | Vĩnh viễn |
| 386                                                            | Báo cáo tổng hợp về công tác giải quyết, khiếu nại, tố cáo và tiếp dân hàng năm của tỉnh, cấp huyện                                                     | Vĩnh viễn |
| 387                                                            | Hồ sơ thanh tra các vụ việc nghiêm trọng của tỉnh, cấp huyện                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 388                                                            | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tỉnh, cấp huyện                                   | Vĩnh viễn |
| <b>XV. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ QUẢN LÝ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH</b> |                                                                                                                                                         |           |
|                                                                | <b>1. Xây dựng chính quyền, bầu cử</b>                                                                                                                  |           |

|     |                                                                                                                                                                      |           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 389 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền và bầu cử của tỉnh, cấp huyện                | Vĩnh viễn |
| 390 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền và bầu cử của tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |
| 391 | Hồ sơ về việc xây dựng mô hình chính quyền điển hình cấp huyện thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn thuộc cấp huyện                                                      | Vĩnh viễn |
| 392 | Hồ sơ về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                     | Vĩnh viễn |
| 393 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng chính quyền, bầu cử của tỉnh, cấp huyện                                                           | Vĩnh viễn |
|     | <b>2. Tổ chức</b>                                                                                                                                                    |           |
| 394 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác tổ chức của tỉnh, cấp huyện                                                        | Vĩnh viễn |
| 395 | Tài liệu quy hoạch, kế hoạch công tác tổ chức của tỉnh, cấp huyện                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 396 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm về công tác tổ chức của UBND tỉnh, cấp huyện                                                            | Vĩnh viễn |
| 397 | Báo cáo chuyên đề về công tác tổ chức của tỉnh, cấp huyện                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 398 | Hồ sơ về việc thành lập, giải thể, hợp nhất, chia tách, đổi tên, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của UBND tỉnh, cấp huyện, các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp | Vĩnh viễn |
| 399 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác tổ chức của tỉnh, cấp huyện                                                                                | Vĩnh viễn |
| 400 | Hồ sơ, tài liệu thực hiện công tác bảo vệ nội bộ cơ quan của tỉnh, cấp huyện                                                                                         | Vĩnh viễn |
|     | <b>3. Cán bộ</b>                                                                                                                                                     |           |
| 401 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác cán bộ của tỉnh, cấp huyện                                                         | Vĩnh viễn |
| 402 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo tổng kết hàng năm, nhiều năm về công tác cán bộ của tỉnh, cấp huyện                                                                  | Vĩnh viễn |
| 403 | Hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện UBND tỉnh, cấp huyện quản lý                                                                                           | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                                                                                               |           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 404 | Hồ sơ xây dựng chức danh và tiêu chuẩn chức danh công chức của UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 405 | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch cán bộ của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 406 | Hồ sơ, tài liệu về đánh giá cán bộ thuộc diện UBND tỉnh, cấp huyện quản lý                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 407 | Hồ sơ, tài liệu về chỉ tiêu biên chế và tình hình thực hiện biên chế hàng năm của UBND tỉnh, cấp huyện và các sở, ngành                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 408 | Báo cáo chuyên đề về công tác cán bộ như: Thực hiện tiêu chuẩn chức danh, thi tuyển, nâng ngạch, định mức lao động; thống kê số lượng, chất lượng cán bộ (nam, nữ, dân tộc, trình độ ...) của tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 409 | Văn bản của UBND tỉnh, cấp huyện quy định, hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 410 | Hồ sơ xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo cán bộ của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 411 | Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |
| 412 | Tài liệu về việc quản lý công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo, dạy nghề của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                 | Vĩnh viễn |
| 413 | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác cán bộ của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 414 | Danh sách cán bộ lãnh đạo của UBND tỉnh, cấp huyện và các sở, ngành                                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 415 | Sổ thống kê cán bộ, công chức của cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
|     | <b>4. Lao động - Tiền lương</b>                                                                                                                                                                               |           |
| 416 | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác lao động, tiền lương của tỉnh, cấp huyện                                                                                               | Vĩnh viễn |
| 417 | Chương trình, kế hoạch và báo cáo hàng năm, nhiều năm công tác lao động, tiền lương của tỉnh, cấp huyện                                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 418 | Hồ sơ thực hiện các chế độ về lao động, tiền lương, an toàn lao động của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 419 | Báo cáo tổng hợp hàng năm, nhiều năm tình hình tai nạn lao động của tỉnh, cấp huyện                                                                                                                           | Vĩnh viễn |
| 420 | Hồ sơ xử lý các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng của tỉnh,                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn |

|                                         |                                                                                                                                       |           |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                         | cấp huyện                                                                                                                             |           |
| 421                                     | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác lao động, tiền lương của tỉnh, cấp huyện                                    | Vĩnh viễn |
|                                         | <b>5. Địa giới hành chính</b>                                                                                                         |           |
| 422                                     | Văn bản của cơ quan Trung ương, cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp về công tác địa giới hành chính của tỉnh, cấp huyện             | Vĩnh viễn |
| 423                                     | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về công tác địa giới hành chính của tỉnh, cấp huyện                               | Vĩnh viễn |
| 424                                     | Đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính huyện do UBND tỉnh, cấp huyện lập                                     | Vĩnh viễn |
| 425                                     | Hồ sơ, tài liệu về xây dựng đề án phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, cấp huyện trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt | Vĩnh viễn |
| 426                                     | Hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã                                                                         | Vĩnh viễn |
| 427                                     | Hồ sơ, tài liệu về việc đặt tên, đổi tên phường, xã, đường phố, công trình công cộng của tỉnh, cấp huyện, thị trấn                    | Vĩnh viễn |
| 428                                     | Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác địa giới hành chính của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
|                                         | <b>6. Biên giới</b>                                                                                                                   |           |
| 429                                     | Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác biên giới của tỉnh, cấp huyện                                  | Vĩnh viễn |
| 430                                     | Báo cáo hàng năm, nhiều năm về tình hình chính trị và trật tự đường biên giới của tỉnh, cấp huyện                                     | Vĩnh viễn |
| 431                                     | Hồ sơ, tài liệu về cắm mốc biên giới của tỉnh, cấp huyện                                                                              | Vĩnh viễn |
| 432                                     | Sơ đồ biên giới quốc gia của tỉnh, cấp huyện                                                                                          | Vĩnh viễn |
| 433                                     | Hồ sơ, tài liệu liên quan đến biên giới của tỉnh, cấp huyện                                                                           | Vĩnh viễn |
| 434                                     | Tài liệu về hoạt động liên quan đến đường biên của tỉnh, cấp huyện                                                                    | Vĩnh viễn |
| <b>XVI. TÀI LIỆU CỦA VĂN PHÒNG UBND</b> |                                                                                                                                       |           |
|                                         | <b>1. Hành chính – Tổ chức</b>                                                                                                        |           |
| 435                                     | Kế hoạch, báo cáo công tác năm, nhiều năm của Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện                                                          | Vĩnh viễn |
| 436                                     | Tài liệu về quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện                      | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                             |           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 437 | Hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện thuộc diện UBND tỉnh, huyện quản lý               | Vĩnh viễn |
| 438 | Tài liệu sưu tầm, ghi chép về lịch sử của tỉnh, cấp huyện (kể cả tài liệu phim, ảnh, ghi âm, ghi hình, tranh ảnh triển lãm) | Vĩnh viễn |
| 439 | Hồ sơ Hội nghị công tác do Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện triệu tập                                                         | Vĩnh viễn |
|     | <b>2. Thi đua - khen thưởng</b>                                                                                             |           |
| 440 | Quy định, quy chế của Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng                                       | Vĩnh viễn |
| 441 | Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện quản lý                                         | Vĩnh viễn |
| 442 | <b>3. Văn thư, Lưu trữ</b>                                                                                                  |           |
| 443 | Mục lục hồ sơ có giá trị bảo quản vĩnh viễn, lâu dài của UBND tỉnh, cấp huyện                                               | Vĩnh viễn |
| 444 | Văn bản đi: Tập lưu văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, cấp huyện                                                     | Vĩnh viễn |
|     | <b>4. Quản trị - Tài vụ</b>                                                                                                 |           |
| 445 | Quy chế, quy định thực hiện chế độ kế toán của Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện                                               | Vĩnh viễn |
| 446 | Báo cáo tài chính hàng năm của Văn phòng UBND tỉnh, cấp huyện                                                               | Vĩnh viễn |
| 447 | Báo cáo kiểm kê tài sản cố định lúc 0 giờ ngày 01/01 của UBND tỉnh, cấp huyện                                               | Vĩnh viễn |
|     | <b>5. Tài liệu của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện</b>                              |           |
|     | <b>a. Tài liệu của tổ chức Đảng</b>                                                                                         |           |
| 448 | Hồ sơ Đại hội Đảng bộ cơ quan; Chi bộ trực thuộc                                                                            | Vĩnh viễn |
| 449 | Hồ sơ chỉ đạo triển khai thực hiện văn bản của tổ chức Đảng cấp trên và triển khai công tác Đảng của UBND tỉnh, cấp huyện   | Vĩnh viễn |
| 450 | Chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Đảng bộ cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức Đảng trực thuộc            | Vĩnh viễn |
| 451 | Tài liệu về công tác tổ chức và nhân sự của Đảng bộ cơ quan UBND và các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc                       | Vĩnh viễn |
| 452 | Danh sách đảng viên của Đảng bộ cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức trực thuộc qua các thời kỳ                      | Vĩnh viễn |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 453 | Hồ sơ về thành lập, sát nhập, công nhận tổ chức Đảng                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn |
| 454 | Sổ ghi biên bản các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Đảng bộ cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức Đảng trực thuộc                                                                                             | Vĩnh viễn |
|     | <b>b. Tài liệu của tổ chức Công đoàn</b>                                                                                                                                                                               |           |
| 455 | Văn bản chỉ đạo của Công đoàn UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức Công đoàn cơ sở về công tác công đoàn                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 456 | Chương trình, kế hoạch công tác của Công đoàn UBND tỉnh, cấp huyện hàng năm                                                                                                                                            | Vĩnh viễn |
| 457 | Báo cáo tổng kết công tác triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, các cuộc vận động lớn nhân dịp kỷ niệm trọng đại của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn UBND tỉnh, cấp huyện | Vĩnh viễn |
| 458 | Hồ sơ đại hội Công đoàn các cấp của UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức Công đoàn cơ sở                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 459 | Hồ sơ về thành lập, sát nhập, công nhận tổ chức Công đoàn của UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức Công đoàn cơ sở                                                                                                      | Vĩnh viễn |
| 460 | Sổ ghi biên bản các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Công đoàn UBND tỉnh, cấp huyện và các tổ chức Công đoàn cơ sở                                                                                                   | Vĩnh viễn |
|     | <b>c. Tài liệu của Đoàn Thanh niên</b>                                                                                                                                                                                 |           |
| 461 | Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác Đoàn Thanh niên của cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                | Vĩnh viễn |
| 462 | Chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Đoàn Thanh niên cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                              | Vĩnh viễn |
| 463 | Báo cáo triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết và các cuộc vận động lớn nhân dịp kỷ niệm quan trọng do Đoàn Thanh niên cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện tổ chức                                                      | Vĩnh viễn |
| 464 | Hồ sơ Đại hội Đoàn Thanh niên cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn |
| 465 | Hồ sơ về thành lập, sát nhập, công nhận tổ chức Đoàn Thanh niên của cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                       | Vĩnh viễn |
| 466 | Sổ ghi biên bản các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của Đoàn Thanh niên cơ quan UBND tỉnh, cấp huyện                                                                                                                    | Vĩnh viễn |

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh căn cứ Quyết định này để xây dựng Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu có giá trị lưu trữ vĩnh viễn nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Kiểm tra, chỉ đạo, theo dõi việc thu hồ sơ, tài liệu và lập Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu có giá trị lưu trữ vĩnh viễn của các cơ quan, đơn vị đến hạn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk đúng thời gian, thủ tục.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn việc phân loại, xác định tài liệu có giá trị lưu trữ vĩnh viễn để có kế hoạch nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh theo quy định của pháp luật; bố trí kho, trang thiết bị bảo quản, bảo vệ an toàn tài liệu, tổ chức khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ có hiệu quả theo đúng quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Nghị**